

Y, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Số: 39 /2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1969.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H – sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ vào điều 357; điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1 - Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức H.

2 - Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức H thỏa thuận chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 13/7/2000 đến

khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn Thị O sinh ngày 13/4/1992 (bị khuyết tật, vận động trí tuệ, nghe nói đặc biệt nặng). Anh H cấp dưỡng nuôi cháu O mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 4/2018.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh H chưa thi hành, thì hàng tháng anh H còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0001562 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Y;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y;
- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y
- Các đương sự;
- Lưu : HS; TA.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến

